BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Công văn số 336 /QLCL-QLT, ngày 13 tháng 3 năm 2023)

26. TỈNH HẢI DƯƠNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	26.01.02	Toán	14.000	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
2	26.01.04	Toán	17.000	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
3	26.01.05	Toán	18.500	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
4	26.01.07	Toán	23.000	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
5	26.01.01	Toán	13.500	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
6	26.01.09	Toán	17.500	Ba	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
7	26.01.10	Toán	16.500	Ba	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
8	26.02.01	Vật lí	11.750	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
9	26.02.06	Vật lí	11.250	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
10	26.03.01	Hoá học	20.125	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
11	26.03.02	Hoá học	18.125	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
12	26.03.03	Hoá học	23.000	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
13	26.03.06	Hoá học	25.250	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
14	26.03.08	Hoá học	22.625	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
15	26.03.09	Hoá học	23.750	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
16	26.03.10	Hoá học	25.750	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
17	26.03.07	Hoá học	23.375	Ba	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
18	26.04.02	Sinh học	24.250	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
19	26.04.03	Sinh học	22.250	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
20	26.04.05	Sinh học	27.000	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
21	26.04.06	Sinh học	24.000	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
22	26.04.07	Sinh học	21.250	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
23	26.04.09	Sinh học	22.250	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
24	26.04.10	Sinh học	22.750	Ba	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
25	26.05.02	Tin học	17.560	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
26	26.05.05	Tin học	13.140	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
27	26.05.08	Tin học	15.200	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
28	26.05.10	Tin học	25.960	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Công văn số 336/QLCL-QLT, ngày 13 tháng 3 năm 2023)

26-TỈNH HẢI DƯƠNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
29	26.05.03	Tin học	14.140	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
30	26.05.07	Tin học	16.920	Ba	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
31	26.06.01	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
32	26.06.02	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
33	26.06.06	Ngữ văn	15.000	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
34	26.06.07	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
35	26.06.08	Ngữ văn	13.000	Ba	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
36	26.07.01	Lịch sử	13.750	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
37	26.07.05	Lịch sử	14.750	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
38	26.07.06	Lịch sử	15.000	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
39	26.07.08	Lịch sử	14.750	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
40	26.07.09	Lịch sử	15.250	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
41	26.07.03	Lịch sử	14.000	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
42	26.07.04	Lịch sử	14.250	Ba	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
43	26.07.07	Lịch sử	15.750	Nhì	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
44	26.08.01	Địa lí	14.500	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
45	26.08.02	Địa lí	14.500	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
46	26.08.07	Địa lí	14.250	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
47	26.08.04	Địa lí	12.750	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
48	26.08.05	Địa lí	13.000	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
49	26.08.09	Địa lí	14.500	Ba	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi

Danh sách này gồm 49 thí sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Công văn số 336/QLCL-QLT, ngày 13 tháng 3 năm 2023)

26-TỈNH HẢI DƯƠNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
1	26.09.01	Tiếng Anh	5.40	4	4.10	1.500	15.000	K.Khích	THPT chuyên Nguyễn Trãi
2	26.09.03	Tiếng Anh	5.60	4.20	4.50	1.300	15.600	Ba	THPT chuyên Nguyễn Trãi
3	26.09.07	Tiếng Anh	6	4	4.10	1.450	15.550	Ba	THPT chuyên Nguyễn Trãi
4	26.09.08	Tiếng Anh	6.20	4.20	3.90	1.500	15.800	Ba	THPT chuyên Nguyễn Trãi
5	26.09.05	Tiếng Anh	5.80	3.60	4	1.500	14.900	K.Khích	THPT chuyên Nguyễn Trãi
6	26.09.06	Tiếng Anh	5.40	4	4.30	1.450	15.150	K.Khích	THPT chuyên Nguyễn Trãi
7	26.10.01	Tiếng Nga	10.380	1.800	2.800	1.450	16.430	Nhì	THPT chuyên Nguyễn Trãi
8	26.10.02	Tiếng Nga	8.400	1.300	2.750	1.550	14.000	K.Khích	THPT chuyên Nguyễn Trãi
9	26.10.03	Tiếng Nga	10.400	1.650	2.750	1.600	16.400	Nhì	THPT chuyên Nguyễn Trãi
10	26.10.04	Tiếng Nga	10.650	2	3	1.300	16.950	Nhì	THPT chuyên Nguyễn Trãi
11	26.10.06	Tiếng Nga	9.470	1.800	2.450	1.750	15.470	Ba	THPT chuyên Nguyễn Trãi
12	26.10.07	Tiếng Nga	9.605	1.550	2.800	1.650	15.605	Ba	THPT chuyên Nguyễn Trãi
13	26.10.09	Tiếng Nga	8.800	0.800	3	1.450	14.050	K.Khích	THPT chuyên Nguyễn Trãi
14	26.10.05	Tiếng Nga	10.575	1.900	2.700	1.550	16.725	Nhì	THPT chuyên Nguyễn Trãi
15	26.10.08	Tiếng Nga	8.225	1.450	2.750	1.300	13.725	K.Khích	THPT chuyên Nguyễn Trãi
16	26.11.02	Tiếng Pháp	6.65	2.75	4	1.050	14.450	Ba	THPT chuyên Nguyễn Trãi
17	26.11.03	Tiếng Pháp	5.75	2.75	3.50	1.425	13.425	K.Khích	THPT chuyên Nguyễn Trãi
18	26.11.04	Tiếng Pháp	6.20	3	4.25	0.975	14.425	K.Khích	THPT chuyên Nguyễn Trãi
19	26.11.05	Tiếng Pháp	5.75	3	4.15	1.475	14.375	K.Khích	THPT chuyên Nguyễn Trãi
20	26.11.06	Tiếng Pháp	5.55	3.50	4.75	1.350	15.150	Ba	THPT chuyên Nguyễn Trãi
21	26.11.07	Tiếng Pháp	5.60	2.50	3.90	1.375	13.375	K.Khích	THPT chuyên Nguyễn Trãi
22	26.11.08	Tiếng Pháp	5.95	3.25	4.30	1.375	14.875	Ba	THPT chuyên Nguyễn Trãi

Danh sách này gồm 22 thí sinh